

# **Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015



# Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9- 32

# Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Giấy phép số 244//2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và cung cấp dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có văn phòng đại diện tại Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên
Ông Trần Đình Long	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	từ nhiệm ngày 17 tháng 7 năm 2015

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc	từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 3 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Khải	Quyền Tổng Giám đốc	từ ngày 3 tháng 8 năm 2015

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Văn Khải được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

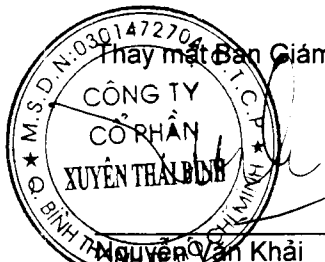
Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 8.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Giám đốc:  
  
Nguyễn Văn Khải  
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2015



Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

**Building a better  
working world**

Số tham chiếu: 61063721/17793613-LR/R

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (“Công ty”), được trình bày từ trang 4 đến trang 32 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tuy không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015. Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Ma Văn Dũng Trần  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 0048-2013-004-1

Ngô Hồng Sơn  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>258.175.608.819</b>	<b>138.670.751.820</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>139.997.376.791</b>	<b>42.579.923.316</b>
111	1. Tiền		94.125.944.291	24.454.306.441
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.871.432.500	18.125.616.875
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>22.326.479.812</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	22.326.479.812
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>117.881.546.083</b>	<b>73.512.578.809</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	388.965.431	1.554.610.487
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	50.263.509.556	50.768.032.989
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	17	24.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	43.229.071.096	21.189.935.333
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>296.685.945</b>	<b>251.769.883</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		24.037.170	52.978.080
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		272.648.775	198.791.803
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.718.843.262.852</b>	<b>1.023.018.321.928</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>393.900.560</b>	<b>393.900.560</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	393.900.560	393.900.560
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>8.661.133.411</b>	<b>7.988.423.323</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	8.661.133.411	7.988.423.323
222	Nguyên giá		16.695.498.666	15.697.031.575
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.034.365.255)	(7.708.608.252)
<b>250</b>	<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>1.709.587.711.293</b>	<b>1.014.387.708.382</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	8.1	1.709.587.711.293	980.419.262.027
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		-	33.968.446.355
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>200.517.588</b>	<b>248.289.663</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		200.517.588	248.289.663
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.977.018.871.671</b>	<b>1.161.689.073.748</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

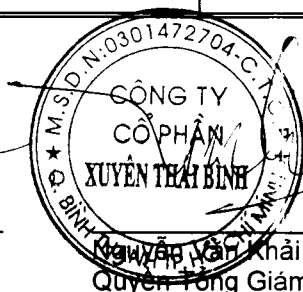
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>12.332.061.301</b>	<b>8.855.678.246</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>12.002.789.501</b>	<b>7.735.164.746</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	298.622.823	2.227.240.916
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	711.530.168	906.445.740
314	4. Phải trả người lao động		664.753.754	1.231.100.602
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		965.505.650	123.000.004
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	11	4.565.084.417	297.989.928
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.588.983.790	2.741.078.657
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>329.271.800</b>	<b>1.120.513.500</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	11	329.271.800	316.701.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		-	803.812.500
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.964.686.810.370</b>	<b>1.152.833.395.502</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>12</b>	<b>1.964.686.810.370</b>	<b>1.152.833.395.502</b>
411	1. Vốn cổ phần		831.437.480.000	616.437.480.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		831.437.480.000	616.437.480.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.011.363.099.736	477.636.068.236
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		110.372.432.366	47.246.048.998
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		47.246.048.998	37.646.186.337
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		63.126.383.368	9.599.862.661
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.977.018.871.671</b>	<b>1.161.689.073.748</b>



Nguyễn Thị Thu Hồng  
Người lập biểu



Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải  
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.1	3.431.956.568	8.151.167.087
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	15	(2.403.141.382)	(7.161.878.911)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		1.028.815.186	989.288.176
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	13.2	75.787.204.847	34.699.269.648
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	14	(127.013.251) (26.002.779)	(324.308.833) (35.677.778)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	(8.450.275.436)	(8.568.876.224)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		68.238.731.346	26.795.372.767
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		68.238.731.346	26.795.372.767
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.1	(575.729.846)	(1.753.840.229)
60	10. Lợi nhuận sau thuế TNDN		67.663.001.500	25.041.532.538



Nguyễn Thị Thu Hồng  
Người lập biểu



Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải  
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015


VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>68.238.731.346</b>	<b>26.795.372.767</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	7	325.757.003	508.308.335
03	Hoàn nhập dự phòng		(803.812.500)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(75.787.204.847)	(27.452.375.162)
06	Chi phí lãi vay	14	26.002.779	35.677.778
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(8.000.526.219)</b>	<b>(113.016.282)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		2.067.882.334	17.781.092.000
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		558.209.163	(34.457.706.611)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		76.712.985	(28.490.174)
14	Tiền lãi vay đã trả		(26.002.779)	(35.677.778)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16.1	(151.020.913)	-
16	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		-	416.882.880
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.217.692.988)	(1.615.895.930)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(7.692.438.416)</b>	<b>(18.052.811.895)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	7	(998.467.091)	-
23	Tiền chi để mua cổ phiếu của đơn vị khác		(246.266.000.000)	(505.356.981.235)
24	Tiền thu hồi bán lại cổ phiếu của đơn vị khác		244.592.479.812	589.836.981.235
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(695.200.002.911)	(272.484.003.175)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		53.417.725.581	21.882.001.930
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(644.454.264.609)</b>	<b>(166.122.001.245)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		749.564.156.500	645.389.644.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(9.500.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	12.2	-	(20.048.166.500)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>749.564.156.500</b>	<b>615.841.477.500</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		97.417.453.475	431.666.664.360
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		42.579.923.316	6.280.443.828
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	139.997.376.791	437.947.108.188



Nguyễn Thị Thu Hồng  
Người lập biểu



Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải  
Chủ tịch Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và cung cấp dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có văn phòng đại diện tại Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 14 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 19).

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 4 công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 8.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 8.1 và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

*Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 21.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

#### 3.6 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.9 Thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.10 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Thu nhập tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

*Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại theo Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	297.377.007	66.377.007
Tiền gửi ngân hàng	93.828.567.284	24.387.929.434
Các khoản tương đương tiền	45.871.432.500	18.125.616.875
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>139.997.376.791</b>	<b>42.579.923.316</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 17)	239.483.392	203.236.374
Phải thu từ khách hàng	149.482.039	1.351.374.113
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>388.965.431</b>	<b>1.554.610.487</b>

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 17)	50.105.506.289	50.207.656.011
Trả trước cho người bán	158.003.267	560.376.978
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>50.263.509.556</b>	<b>50.768.032.989</b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>Ngắn hạn</b>		
Cổ tức được chia	43.000.000.000	20.499.742.500
Kỳ quỹ	75.250.000	525.250.000
Tạm ứng nhân viên	59.146.187	11.698.078
Lãi phải thu	-	130.778.234
Khác	94.674.909	22.466.521
	43.229.071.096	21.189.935.333
<b>Dài hạn</b>		
Kỳ quỹ	393.900.560	393.900.560
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>43.622.971.656</b>	<b>21.583.835.893</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 17)</i>	43.383.900.560	20.979.770.959
<i>Phải thu khác</i>	239.071.096	604.064.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VNĐ			
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	13.688.708.885	1.660.440.540	347.882.150	15.697.031.575
Mua trong kỳ	-	998.467.091	-	998.467.091
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	13.688.708.885	2.658.907.631	347.882.150	16.695.498.666
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.256.809.102	386.370.000	347.882.150	3.991.061.252
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	5.999.010.280	1.361.715.822	347.882.150	7.708.608.252
Khấu hao trong kỳ	244.708.270	81.048.733	-	325.757.003
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	6.243.718.550	1.442.764.555	347.882.150	8.034.365.255
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.689.698.605	298.724.718	-	7.988.423.323
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	7.444.990.335	1.216.143.076	-	8.661.133.411

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh 8.1</i> )	1.709.587.711.293	980.419.262.027
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	-	33.968.446.355
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.709.587.711.293</b>	<b>1.014.387.708.382</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty đã cơ cấu chuyển toàn bộ khoản đầu tư tại công ty liên kết, Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An sang Công ty Cổ phần Thực phẩm Pan như một phần của giá trị góp vốn. Theo đó, Công ty không nắm giữ trực tiếp khoản đầu tư vào công ty này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**8.1 Đầu tư vào công ty con**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá trị đầu tư VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Thực phẩm Pan	999.900.000.000	99,99	-	99,90
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	662.413.671.293	57,8	648.061.401.979	56,7
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	25.000.000.000	100	25.000.000.000	100
Công ty TNHH Liên Thái Bình	22.274.040.000	100	22.274.040.000	100
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	-	-	285.083.820.048	62,4
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.709.587.711.293</b>		<b>980.419.262.027</b>	

Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313041011 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0103003628 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 2 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309493985 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 11 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Đường Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên Thái Bình là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100230134 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, số 1C Đường Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Trong kỳ, Công ty đã cơ cấu chuyển toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre sang Công ty Cổ phần Thực phẩm Pan như một phần của giá trị góp vốn. Theo đó, Công ty không nắm giữ trực tiếp khoản đầu tư vào công ty này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả người bán	273.872.823	316.400.213
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 17)	24.750.000	1.910.840.703
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>298.622.823</b>	<b>2.227.240.916</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VNĐ			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 16.1)	141.227.314	575.729.846	(151.020.913)	565.936.247
Thuế thu nhập cá nhân	765.218.426	1.348.489.582	(1.968.114.087)	145.593.921
Khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>906.445.740</b>	<b>1.927.219.428</b>	<b>2.122.135.000</b>	<b>711.530.168</b>

**11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>Ngắn hạn</b>		
Mượn tiền	3.900.000.000	-
Thù lao Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Kiểm soát ("BKS") phải trả	568.553.491	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	89.981.426	91.640.426
Khác	6.549.500	206.349.502
	4.565.084.417	297.989.928
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	329.271.800	316.701.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.894.356.217</b>	<b>614.690.928</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 17)</i>	4.287.451.800	467.251.800
<i>Phải trả khác</i>	606.904.417	147.439.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**12.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	VNĐ				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	200.500.000.000	226.238.904.236	11.513.798.268	37.646.186.337	475.898.888.841
Tăng vốn trong kỳ	203.125.000.000	442.264.644.000	-	-	645.389.644.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	25.041.532.538	25.041.532.538
Cổ tức công bố	-	-	-	(20.050.000.000)	(20.050.000.000)
Trích thủ lao HĐQT và BKS	-	-	-	(720.000.000)	(720.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>403.625.000.000</u>	<u>668.503.548.236</u>	<u>11.513.798.268</u>	<u>41.917.718.875</u>	<u>1.125.560.065.379</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	616.437.480.000	477.636.068.236	11.513.798.268	47.246.048.998	1.152.833.395.502
Tăng vốn trong kỳ	215.000.000.000	533.727.031.500	-	-	748.727.031.500
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	67.663.001.500	67.663.001.500
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.536.618.132)	(3.536.618.132)
Trích thủ lao HĐQT và BKS	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>831.437.480.000</u>	<u>1.011.363.099.736</u>	<u>11.513.798.268</u>	<u>110.372.432.366</u>	<u>1.964.686.810.370</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**12.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu kỳ	616.437.480.000	200.500.000.000
Tăng trong kỳ	215.000.000.000	203.125.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>831.437.480.000</b>	<b>403.625.000.000</b>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức trả bằng tiền	-	20.048.166.500
Cổ tức chưa chi trả	1.833.500	1.833.500

Vào ngày 27 tháng 1 năm 2015, Công ty cũng hoàn tất việc phát hành 21.500.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược và cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty lên 831.437.480.000 VNĐ theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01-05/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 5 năm 2014 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 19-09/2014/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 9 năm 2014.

**12.3 Cổ phiếu**

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</u>	
	Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>83.143.748</b>	<b>831.437.480.000</b>	<b>61.643.748</b>	<b>616.437.480.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>				
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	83.143.748	831.437.480.000	61.643.748	616.437.480.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	83.143.748	831.437.480.000	61.643.748	616.437.480.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**13. DOANH THU**

**13.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
<b>Doanh thu</b>	<b><u>3.431.956.568</u></b>	<b><u>8.151.167.087</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu dịch vụ vệ sinh</i>	2.403.141.382	7.374.159.087
<i>Doanh thu cho thuê</i>	1.028.815.186	777.008.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	2.623.981.483	7.508.420.247
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 17)</i>	807.975.085	642.746.840

**13.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Thu nhập từ cổ tức	64.817.965.000	18.849.924.000
Lãi từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh	6.358.849.236	7.246.894.486
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.610.390.611	18.849.924.000
Lãi từ đầu tư chứng khoán	-	5.570.373.232
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>75.787.204.847</u></b>	<b><u>34.699.269.648</u></b>

**14. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Chi phí hoa hồng và môi giới	101.010.472	281.631.055
Chi phí lãi vay	26.002.779	35.677.778
Khác	-	7.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>127.013.251</u></b>	<b><u>324.308.833</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**15. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.854.457.341	10.899.786.504
Chi phí nhân công	4.554.360.307	4.286.189.562
Chi phí khấu hao ( <i>Thuyết minh số 7</i> )	325.757.003	508.308.335
Chi phí khác	118.842.167	36.470.734
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.853.416.818</u></b>	<b><u>15.730.755.135</u></b>

**16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**16.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>68.238.731.346</b>	<b>26.795.372.767</b>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ cổ tức	(64.817.965.000)	(18.849.924.000)
Chi phí không được khấu trừ	-	26.552.273
Chênh lệch dự phòng trợ cấp thôi việc	(803.812.500)	-
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>2.616.953.846</b>	<b>7.972.001.040</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>575.729.846</b>	<b>1.753.840.229</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN</b>	<b>575.729.846</b>	<b>1.753.840.229</b>
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	141.227.314	(995.015.078)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(151.020.913)	-
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b><u>565.936.247</u></b>	<b><u>758.825.151</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VNĐ	
			Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	Hợp đồng hợp tác đầu tư	222.266.000.000	363.050.000.000
		Lãi từ đầu tư hợp tác	6.358.849.236	6.426.139.625
		Phí tư vấn và phát hành chứng khoán	1.920.000.000	4.356.000.000
		Thu nhập cho thuê văn phòng	246.423.984	106.776.840
		Dịch vụ cung cấp	72.986.910	566.435.785
		Phí trả chậm	-	7.000.000
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông lớn	Góp vốn	35.000.000.000	21.760.000.000
		Chi phí thuê văn phòng	925.854.756	348.409.083
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Cổ đông lớn	Góp vốn	17.500.000.000	39.360.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Cổ tức	36.000.000.000	-
		Cho vay	24.000.000.000	-
		Cung cấp dịch vụ vệ sinh	2.538.141.382	7.161.878.911
		Thu nhập cho thuê văn phòng	561.551.101	535.970.000
		Doanh thu khác	-	205.751.611
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	Công ty con	Cổ tức	21.817.965.000	18.849.924.000
Công ty TNHH Dịch vụ Liên Thái Bình	Công ty con	Cổ tức	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương	Công ty con	Hợp đồng hợp tác đầu tư	120.000.000.000	-
		Cổ tức	-	3.102.960.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Pan	Công ty con	Góp vốn	999.900.000.000	-
		Cho vay	404.400.000.000	-
		Vay	72.100.000.000	-
Teal Two Partners Ltd	Cổ đông lớn	Góp vốn	158.173.750.000	258.336.000.000
Quý đầu tư Populus	Cổ đông lớn	Góp vốn	73.500.000.000	64.864.000.000
Công ty Quản lý Quỹ SSI	Cổ đông lớn	Góp vốn	150.500.000.000	129.920.000.000
		Cung cấp dịch vụ	54.300.000	-
Ông Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc	Góp vốn	4.208.750.000	10.480.000.000
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Chi phí thuê văn phòng	327.600.000	313.831.000
		Góp vốn	-	14.400.000.000
GIC Private Limited	Cổ đông lớn	Góp vốn	45.926.650.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	Chi phí thuê văn phòng	136.030.228	-
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Chi phí thuê văn phòng	103.453.164	203.236.374
			<b><u>239.483.392</u></b>	<b><u>203.236.374</u></b>
<b><i>Trả trước ngắn hạn cho người bán</i></b>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	Ứng tiền mua chứng khoán	50.100.000.000	50.100.000.000
		Phí dịch vụ và đặt cọc	5.506.289	107.656.011
			<b><u>50.105.506.289</u></b>	<b><u>50.207.656.011</u></b>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>				
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Cho mượn	24.000.000.000	-
<b><i>Các khoản phải thu khác</i></b>				
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Cổ tức phải thu	36.000.000.000	7.500.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Liên Thái Bình	Công ty con	Cổ tức phải thu	7.000.000.000	-
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông lớn	Ký quỹ thuê văn phòng	304.700.560	304.700.560
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Ký quỹ thuê văn phòng	79.200.000	79.200.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	Công ty con	Cổ tức phải thu	-	12.999.742.500
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	96.127.899
			<b><u>43.383.900.560</u></b>	<b><u>20.979.770.959</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Cung cấp dịch vụ vệ sinh	24.750.000	1.802.240.703
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ SSI	Cổ đông lớn	Phí tư vấn	-	108.600.000
			<b><u>24.750.000</u></b>	<b><u>1.910.840.703</u></b>
<b><i>Các khoản phải trả khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Pan	Công ty con	Mượn tiền	3.900.000.000	-
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	120.000.000	60.000.000
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Đặt cọc thuê văn phòng	189.189.000	189.189.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	Đặt cọc thuê văn phòng	78.262.800	78.262.800
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Dịch vụ Xuyên Thái Bình	Công ty con	Doanh thu khác	-	139.800.000
			<b><u>4.287.451.800</u></b>	<b><u>467.251.800</u></b>

Thu nhập của các thành Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Tiền lương	4.492.864.578	2.250.903.683
Tiền thưởng	1.036.654.556	563.839.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.529.519.134</u></b>	<b><u>2.814.743.283</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Dưới 1 năm	3.386.403.360	3.386.403.360
Từ 1 đến 5 năm	4.767.817.474	6.122.937.562
Trên 5 năm	8.369.605.263	8.694.690.789
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.523.826.097</u></b>	<b><u>18.204.031.711</u></b>

**19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng*** (tiếp theo)

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

	<i>Tổng cộng</i>	<i>VNĐ Không quá hạn và không bị suy giảm</i>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	140.386.342.222	140.386.342.222
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	65.706.671.618	65.706.671.618

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**19. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thanh khoản*** (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

	<i>Dưới 12 tháng</i>	<i>Trên 12 tháng</i>	<i>VNĐ Tổng cộng</i>
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>			
Phải trả người bán ngắn hạn	298.622.823	-	298.622.823
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	5.440.522.641	329.271.800	5.769.794.441
	<b><u>5.739.145.464</u></b>	<b><u>329.271.800</u></b>	<b><u>6.068.417.264</u></b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Phải trả người bán ngắn hạn	2.227.240.916	-	2.227.240.916
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	329.349.506	316.701.000	646.050.506
	<b><u>2.556.590.422</u></b>	<b><u>316.701.000</u></b>	<b><u>2.873.291.422</u></b>

***Tài sản đảm bảo***

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**20. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>		VND
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>			
<b>Tài sản tài chính</b>							
Phải thu khách hàng	388.965.431	-	1.554.610.487	-	388.965.431	1.554.610.487	
Cho vay	24.000.000.000	-	-	-	24.000.000.000	-	
Các khoản phải thu khác	43.475.825.469	-	20.652.987.255	-	43.475.825.469	20.652.987.255	
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.997.376.791	-	42.579.923.316	-	139.997.376.791	42.579.923.316	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>207.862.167.691</b>	<b>-</b>	<b>65.706.671.618</b>	<b>-</b>	<b>207.862.167.691</b>	<b>65.706.671.618</b>	

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>		VND
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Phải trả người bán	298.622.823	2.227.240.916	298.622.823	2.227.240.916	
Phải trả khác	5.769.794.441	646.050.506	5.769.794.441	646.050.506	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.068.417.264</b>	<b>2.873.291.422</b>	<b>6.068.417.264</b>	<b>2.873.291.422</b>	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**20. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, các khoản phải trả người bán ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự định của các khoản phải thu này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

**21. SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ này do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau.

	<i>31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>VNĐ 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)</i>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG</b>			
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	22.326.479.812	(22.326.479.812)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	22.326.479.812	22.326.479.812
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	20.652.987.255	536.948.078	21.189.935.333
Tài sản ngắn hạn khác	536.948.078	(536.948.078)	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	393.900.560	393.900.560
Tài sản dài hạn khác	393.900.560	(393.900.560)	-
Nợ dài hạn khác	1.120.513.500	(803.812.500)	316.701.000
Các khoản dự phòng dài hạn khác	-	803.812.500	803.812.500
Quý đầu tư phát triển	5.756.899.134	5.756.899.134	11.513.798.268
Quý dự phòng tài chính	5.756.899.134	(5.756.899.134)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**22. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Thị Thu Hồng  
Người lập biểu



Trần Anh Phương  
Kế toán trưởng



Ngày 13 tháng 8 năm 2015

ING